

Bản án số: 154 /2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 16/12/2020  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên  
tòa:** Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 518/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2020/QĐST – HNGĐ ngày 25/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 493/10F, tổ 10, khóm T 3, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 493/10F, tổ 10, khóm T 3, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Bà Linh có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Thoa vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/7/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Võ Thị Ltrình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự tìm hiểu yêu thương và tổ chức đám cưới năm 2006 trên cơ sở mai mối, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H vào ngày 12/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông T không chăm lo kinh tế gia đình, gây nhiều nợ nần, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 và bà đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Bà L nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/01/2007 và đã mất vào năm 2012.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết

**Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.**

**\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:**

Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 28/10/2020, lý do phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị L đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/01/2007 và đã mất vào năm 2012 nên không xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Võ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn xa đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Văn T và được Công an phường H, thành phố X cung cấp thông tin: “Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 493/10F, tổ 10, khóm T 3, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự tìm hiểu yêu thương và tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào ngày 12/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không chăm lo kinh tế gia đình, gây nhiều nợ nần, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 và bà đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Bà L nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, có mẹ ông T là bà Phan Thị H và cha ông T là ông Nguyễn Văn N nhận thay cam kết giao lại các văn bản của Tòa cho ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà L và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà L và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà L, ông T có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay khoảng một năm nhưng ông T cũng chưa lần nào đến tìm bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà L dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà L trình bày, bà và ông T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/01/2007 và đã mất vào năm 2012. Lời khai của bà L phù hợp với bản sao trích lục khai tử do Ủy ban nhân phường H cấp ngày 04/8/2020, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông T cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Bà Võ Thị L phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 177; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L. Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- **Về con chung:** Có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/01/2007 và đã mất vào năm 2012 nên không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

**Về án phí:** Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005170 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND P.Mỹ Hòa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Đức Anh**

